

Số: 2025.872/KQ-RDC

Ngày 21 tháng 6 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2506.069/HT-RDC

1. Tên khách hàng: **VINHOMES WEST POINT**
- Địa điểm lấy mẫu: Lô đất HH, Đường Phạm Hùng, phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
2. Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản tại hiện trường
3. Ngày lấy mẫu: 07/06/2025
4. Thời gian thử nghiệm: 09/06/2025 – 20/06/2025
5. Kết quả thử nghiệm:
 - 5.1 Loại mẫu: **Nước thải**
 - Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011
 - Mã số mẫu: **2506.072NT-01:** Tại bể thu gom nước thải trước khi vào trạm XLNT
2506.072NT-02: Sau hệ thống XLNT tập trung

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
					2506.072 NT-01	2506.072 NT-02	
1.	pH ⁽¹⁾	-	TCVN 6492:2011	-	7,17	7,19	5 - 9
2.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	HD-HT-TDS	-	329	128	1.000
3.	Lưu lượng ⁽¹⁾	m ³ /h	HH-NT-FLOW	-	24	25	-
4.	TSS ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2023	2,8	34	12	100
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,1	69	11	50
6.	NO ₃ ⁻ - N ⁽¹⁾	mg/L	US EPA Method 352-1	0,085	KPH	9,4	50
7.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,043	75	0,36	10
8.	S ²⁻⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023	0,035	KPH	KPH	4,0
9.	PO ₄ ³⁻ - P ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,026	3,3	0,98	10
10.	Dầu mỡ ĐTV ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,3	2,3	KPH	20
11.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B: 2023	1,8	92.000	155	5.000
12.	Chất hoạt động bề mặt ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5540 B&C:2023	0,025	0,75	KPH	10

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- ⁽²⁾: Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT – 1.1198;

- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, RDC không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;



Lưu ý: Không được sao trích một phần hoặc toàn bộ kết quả nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của RDC.

5.2 Loại mẫu:

Khí thải

Mã số mẫu:

2506.072KT: Ống thoát của thiết bị xử lí khí thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL/ Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)-P ≤ 20.000; C _{max} = C x K _p x K _v ; K _p =1 và K _v =1
					2506.072KT	
1.	H ₂ S ⁽¹⁾	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	0,5	KPH	7,5
2.	NH ₃ ⁽¹⁾	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	1,0	KPH	50

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy/đo đạc;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM



TRẦN NGUYỄN HIẾU HIẾU

PHÓ GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRƯƠNG PHÚ